

Lúc bấy giờ, nhóm người Lệ-xa<sup>1</sup> ở Tỳ-xá-ly, nghe Phật đến nghỉ tại vườn của Am-bà-bà-lê thì liền thắng những cỗ xe báu năm sắc lộng lẫy; có người cưỡi xe xanh, ngựa xanh, phan dù áo mũ đều xanh; ngựa xe năm sắc đều như vậy. Rồi thì, những người Lệ-xa với y phục đồng sắc, cả năm trăm người kéo đến Phật. Nàng Am-bà-bà-lê sau khi từ giả Phật trở về, giữa đường gặp xe họ. Lúc đó, xe nàng chạy rất nhanh, cùng với xe báu của họ móc kéo nhau, khiến phước lọng gãy đổ cả, mà vẫn không chịu tránh đường. Các người Lệ-xa trách:

“Nàng ý thế gì mà không tránh đường cho chúng tôi đi, để đụng nhằm xe cộ chúng tôi khiến phước lọng gãy đổ cả?”

Am-bà đáp:

**“Thưa quý ngài, tôi đã thỉnh Phật ngày mai đến nhà tôi thọ trai. Tôi phải về gấp sửa soạn đồ cúng dường, thành phải đi mau, không tránh kịp.”**

Nhóm Lệ-xa liền bảo nàng:

“Nàng khoan hãy thỉnh. Để chúng tôi thỉnh trước, chúng tôi sẽ cho nàng một trăm ngàn lượng vàng.”

Nàng đáp:

“Tôi đã thỉnh trước rồi, không thể nhường được.”

Nhóm Lệ-xa tiếp:

“Chúng tôi sẽ tặng nàng gấp mười sáu lần trăm ngàn lượng vàng. Hãy để chúng tôi thỉnh trước.”

Nàng vẫn không chịu:

“Tôi đã thỉnh rồi. Nhất định không thể làm như thế được.”

Các Lệ-xa lại nói:

“Chúng tôi sẽ tặng bằng số tài bảo nửa nước, nàng hãy để chúng tôi thỉnh trước.”

Nàng trả lời:

“Giả sử đem tài bảo của cả nước cấp cho tôi, tôi cũng không nhận. Vì sao? Vì Phật hiện ở tại vườn tôi, Ngài đã nhận lời tôi thỉnh trước. Việc ấy đã xong, không thể nhường được.”

Các Lệ-xa khoa tay than tiếc, rằng:

---

<sup>1</sup> Lệ-xa 隸車; Pāli: Licchavi, một bộ lạc hùng mạnh thời Phật, thuộc bộ tộc Vajji, đóng đô ở Vesāli.

“Nàng con gái này đã làm chúng ta thiếu mất cái phúc quả đầu tiên.”

Họ liền tiến tới khu vườn Phật đang ở. Khi Đức Thế Tôn từ xa thấy năm trăm người Lệ-xa, với ngựa xe số vạn, chật đường tiến đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

“Các người nên biết chư Thiên Đao-lợi khi đi dạo công viên, thì uy nghi và sự trang sức cũng không khác đoàn người đó mấy. Nay các Tỳ-kheo, hãy tự nhiếp tâm, gìn giữ oai nghi đầy đủ. Tỳ-kheo tự nhiếp tâm mình như thế nào? Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, siêng năng không lười biếng, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân..., quán nội ngoại thân..., trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng như thế<sup>2</sup>.

Thế nào là Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi? Ở đây, Tỳ-kheo, khi đi thì biết là đi, dừng thì biết là dừng, quay nhìn tả hữu, co duỗi, cúi ngược, mang y cầm bát cho đến việc ăn uống, thuốc thang, đều không để mất nghi tắc. Khôn khéo tìm cách trừ bỏ ẩm cái<sup>3</sup>, đi ở nằm ngồi, ngủ thức, nói năng hay im lặng đều nhiếp tâm đừng cho loạn động. Đấy gọi là Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi.”

Bấy giờ năm trăm người Lệ-xa đi đến vườn Am-bà-bà-lê. Gần đến chỗ Phật, xuống xe đi bộ đến, đầu mặt đánh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Như Lai ở trên chỗ ngồi, ánh sáng độc nhất tỏa sáng che mờ đại chúng, như trăng mùa thu; lại như trời đất trong sáng sạch sẽ không chút bụi dơ, mặt trời giữa hư không độc nhất tỏa sáng. Rồi thì, năm trăm người Lệ-xa hầu vây quanh chỗ ngồi của Phật. Lúc ấy, giữa hội chúng có một người Phạm chí tên là Tịnh Ký<sup>4</sup>, từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo vai hữu, đầu gối hữu quỳ xuống đất, chấp tay hương về Phật, tán thán bằng bài kệ rằng:

*Vua Ma-kiệt, Ương-già,  
Để được nhiều thiện lợi,  
Khoác khôi giáp bảo châu.  
Phật hiện ở nước ấy.  
Uy đức động tam thiên,*

<sup>2</sup> Trên đây là bốn niệm xứ 念處 hay niệm trụ 念住 (Pāli: satipaṭṭhāna): quán thân, thọ, tâm và pháp.

<sup>3</sup> Ẩm cái 陰蓋, hay triển cái 纏蓋 (Pāli, Skt.: nivāraṇa), có năm.

<sup>4</sup> Tịnh Ký 并暨 (?).

*Tiếng vang như núi Tuyết.  
Như hoa sen đã nở,  
Mùi hương thật mầu nhiệm.  
Nay thấy ánh sáng Phật,  
Như mặt trời mới mọc;  
Như trăng qua bầu trời,  
Không bị mây che khuất.  
Thế Tôn cũng như vậy,  
Sáng chiếu cả thế gian.  
Quán trí tuệ Như Lai  
Như tối gặp đuốc sáng;  
Đem mất sáng cho đời,  
Quyết trừ các nghi hoặc.*

Năm trăm người Lệ-xa sau khi nghe bài kệ ấy lại bảo Tịnh Kỳ:  
“Người hãy lặp lại.”

Rồi Tịnh Kỳ ở trước Phật lặp lại ba lần. Năm trăm Lệ-xa sau khi nghe lặp lại bài kệ, mỗi người cỡi y báu mà cho Tịnh Kỳ. Tịnh Kỳ bèn đem y báu dâng Đức Như Lai. Phật vì lòng từ mẫn nên thọ nhận.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với những người Lệ-xa ở Tỳ-xá-ly rằng:

“Ở đời có năm thứ báu rất khó có được. Những gì là năm? Một là Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời rất khó có được. Hai là người có thể giảng thuyết Chánh pháp của Như Lai rất khó có được. Ba là người có thể tín giải pháp mà Như Lai diễn thuyết rất khó có được. Bốn là người có thể thành tựu pháp mà Như Lai diễn thuyết rất khó có được. Năm là hiểm nguy được cứu ách mà biết đáp trả, hạng người ấy cũng rất khó có. Ấy là năm thứ báu rất khó có được.”<sup>5</sup>

Năm trăm người Lệ-xa sau khi nghe Phật khai thị, giáo huấn khiến cho lợi ích, hoan hỷ, liền bạch Phật;

“Cúi mong Thế Tôn và chúng đệ tử ngày mai nhận lời thỉnh cầu của chúng con.”

Phật nói với các người Lệ-xa:

“Các ông đã thỉnh Ta. Ta nay như thế là đã được cúng dường rồi.

---

<sup>5</sup> So sánh *Tứ Phần 40*, năm thứ báu khó có trong đời: 1. Gặp Phật ra đời; 2. Nghe Phật nói pháp rồi nói lại cho người khác; 3. Tin hiểu pháp của Phật; 4. Như pháp tu hành; 5. Lần lượt giáo hóa lẫn nhau để cùng được lợi ích.

Kỹ nữ Am-bà-bà-lê đã thỉnh trước.”

Năm trăm người Lệ-xa nghe Am-bà-bà-lê nữ đã thỉnh Phật trước, ai nấy đều vung tay mà nói rằng:

“Chúng ta muốn cúng dường Như Lai, mà nay người đàn bà kia đã phổng tay trên ta rồi.”

Rồi họ rời chỗ ngồi, đầu mặt lễ Phật, đi quanh Phật ba vòng, sau đó ai về nhà nấy.

Bấy giờ, Am-bà-bà-lê nữ bèn bày dọn thực phẩm thượng diệu để cúng Phật và Tăng. Sau khi ăn xong, thâu bát, dẹp bàn ghế. Rồi kỹ nữ tay bưng bình bằng vàng dâng nước rửa xong, nàng đến trước Phật bạch rằng:

“Trong số những khu vườn trong thành Tỳ-xá-ly này vườn của con là hơn hết. Nay con đem vườn ấy dâng cúng Như Lai. Ngưỡng nguyện Như Lai vì thương tưởng con mà thọ nhận.”

Phật nói với người kỹ nữ:

“Người có thể đem khu vườn này cúng dường trước hết là Phật và Chiêu-đề tăng<sup>6</sup>. Vì sao vậy? Các thứ vườn tược, phòng xá, y bát, sáu vật mà Như Lai sở hữu, ngay dù những Ma, Thích, Phạm, chư Thiên có đại oai lực, không ai có khả năng kham thọ sự cúng dường ấy.”

**Kỹ nữ thọ lãnh lời dạy, bèn đem khu vườn mà cúng trước tiên là Phật và Chiêu-đề tăng. Phật vì lòng từ mẫn đối với nàng nên thọ nhận. Rồi Ngài nói bài kệ:**

*Dựng tháp, lập tinh xá,  
Cúng vườn cây mát mẻ;  
Cầu thuyền để đưa người;  
Và cho cả nhà, gác;  
Đồng trống cho nước cỏ,  
Phước ấy ngày đêm tăng;  
Người đủ giới thanh tịnh,  
Ắt sẽ đến chỗ lành.*

Sau đó, kỹ nữ Am-bà-bà-lê mang một cái giường nhỏ đến ngồi trước Phật. Phật theo thứ lớp nói pháp, mở bày, dạy dỗ, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Ngài giảng về thí, về giới, về sinh thiên, về dục

<sup>6</sup> Chiêu-đề tăng 招提僧, hay Tứ phương tăng 四方僧; Pāli: Cātuddisa-sangha.

là đại hoạn, ô uế, bất tịnh, phiền não là chương ngại, xuất ly là tối thượng.

Khi Thế Tôn biết tâm ý của nàng đã nhu nhuyễn, hòa duyệt, các triển cái với mỏng, rất dễ hóa độ, như pháp của chư Phật, Ngài bèn giảng cho nàng về Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ nàng Am-bà-bà-lê, tín tâm thanh tịnh, như tấm lụa trắng trong sạch dễ nhuộm màu, ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu, con mắt pháp của các pháp sanh, thấy pháp, đắc pháp, quyết định chánh trụ, không còn đọa ác đạo, thành tựu vô úy. Nàng bèn bạch Phật:

“Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nói ba lần như vậy. Cúi mong Như Lai nhận con làm một Ưu-bà-di trong Chánh pháp. Từ nay về sau, cho đến trọn đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối trá, không uống rượu.”

Người nữ ấy sau khi thọ lãnh năm giới từ Phật, xả bỏ tập quán từ trước, tiêu trừ những cấu uế, rời khỏi chỗ ngồi, lễ Phật rồi lui.

Bấy giờ, Thế Tôn tùy nghi trú ở Tỳ-xá-ly, bảo A-nan:

“Các người hãy sửa soạn. Ta muốn đi đến Trúc lâm<sup>7</sup>.”

Đáp: “Kính vâng.”

Rồi sửa soạn y bát, cùng đại chúng hầu quanh Thế Tôn, đi theo con đường từ Bạt-kỳ đến Trúc lâm kia.

Lúc ấy có người Bà-la-môn tên là Tỳ-sa-đà-da<sup>8</sup>, nghe Phật cùng đại chúng đến Trúc lâm này, liền thâm nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm này có tiếng tốt đồn khắp bốn phương, mười hiệu đầy đủ, ở giữa chư Thiên, Thích, Phạm, Ma hay Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn, mà tự mình tác chứng, rồi thuyết pháp cho người khác, với những ngôn từ mà khoảng đầu, giữa và cuối thấy đều chân chánh, nghĩa vị thâm áo, phạm hạnh đầy đủ. Bạc Chân Nhân như thế, ta nên đến thăm viếng.”

Rồi Bà-la-môn ra khỏi thành, đi đến Thế Tôn chỗ rừng Trúc<sup>9</sup>; chào hỏi xong, ngồi sang một bên. Thế Tôn theo thứ lớp thuyết pháp cho ông, mở bày, chỉ dạy, khiến cho ích lợi, hoan hỷ. Nghe xong, hoan

7. Trúc lâm 竹林. Trong bản Pāli, Phật từ vườn Ambapālī đi đến làng Beluva (Bản Deva Dig ii, tr. 79: Veḷuvagāma).

8. Tỳ-sa-đà-da 毗沙沓耶.

9. Hán: Trúc tông 竹叢.

hỷ, ông bèn thỉnh Thế Tôn cùng đại chúng ngày mai đến nhà thọ thực. Phật im lặng nhận lời. Bà-la-môn biết Ngài đã nhận lời, liền đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi cáo về.

Vào ngay đêm đó dọn bày các thứ ẩm thực. Sáng mai, lúc đã đến giờ, bèn báo tin:

“Cúi mong Đức Thánh biết là đã đến giờ.”

Bấy giờ Thế Tôn khoác y ôm bát, cùng đại chúng vây quanh, đi đến nhà kia, ngồi lên chỗ dọn sẵn. Rồi thì, Bà-la-môn dâng đủ các thực phẩm ngon cúng Phật và Tăng. Ăn xong, trâu bát, dùng nước rửa xong, ông mang một cái giường nhỏ đến ngồi trước Phật. Thế Tôn vì Bà-la-môn mà nói một bài tụng:

*Nếu đem ẩm thực,  
Y phục, ngọa cụ,  
Cho người trì giới,  
Tất được quả lớn.  
Đó là bạn thật,  
Chung thủy theo nhau;  
Đến bất cứ đâu,  
Như bóng theo hình.  
Vậy nên gieo thiện,  
Làm lương đời sau.  
Phước là nền tảng,  
Chúng sanh an trụ.  
Phước là thiên hộ,  
Đường đi không nguy.  
Sống không gặp nạn;  
Chết được sanh thiên.*

Rồi Thế Tôn nói pháp vi diệu cho Bà-la-môn; mở bày, chỉ dẫn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Sau đó, Ngài rời chỗ ngồi mà đi.

Lúc ấy, ở địa phương này thóc quý, đói kém, nên khát thực khó được. Phật bảo A-nan:

“Hãy gọi các Tỳ-kheo hiện ở địa phương này tập họp ở giảng đường. A-nan đáp vâng, rồi thừa lệnh Phật kêu gọi các Tỳ-kheo xa gần về tập họp hết ở giảng đường. Sau khi đại chúng trong nước này đều đã tập họp, A-nan bạch Phật:

“Đại chúng đã tập họp, cúi mong Đức Thánh biết thời.”

Bấy giờ, Phật rời chỗ ngồi, đi đến giảng đường, ngồi lên chỗ dọn sẵn, bảo các Tỳ-kheo:

“Đất này đói kém, nhất thực khó khăn, các người nên chia thành từng nhóm, tùy theo chỗ quen biết, hãy đến Tỳ-xá-ly và nước Việt-kỳ<sup>10</sup> mà an cư ở đó để có thể không bị thiếu thốn. Ta một mình cùng với A-nan an cư ở đây.”

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy, ra đi. Riêng Phật với A-nan ở lại. Về sau, trong lúc an cư, thân Phật nhuộm bệnh, khắp cả mình đều đau. Phật tự nghĩ: “Ta nay cả người đều đau mà các đệ tử đều không ở đây. Nếu Ta nhập Niết-bàn thì không thích hợp. Vậy Ta hãy tinh cần tự lực lưu lại thọ mạng”. Rồi Thế Tôn ra khỏi tịnh thất, đến ngồi chỗ mát mẻ. A-nan trông thấy liền vội đến, bạch Phật rằng:

“Nay con xem gương mặt Thế Tôn, bệnh hình như có bớt<sup>11</sup>.”

A-nan lại nói:

“Thế Tôn bệnh, tâm con sợ hãi, lo buồn thất chặt, hoang mang không biết phương hướng. Nhưng hơi thở chưa dứt, còn chút tỉnh táo, con thầm nghĩ rằng: ‘Thế Tôn chưa diệt độ ngay, con mắt của đời chưa tắt, Đại pháp chưa suy tổn, sao nay Ngài không có điều gì dạy bảo các đệ tử?’<sup>12</sup>.”

Phật bảo A-nan:

“Chúng Tăng còn có điều gì cần ở Ta nữa? Nếu có ai tự mình nói: ‘Ta duy trì chúng Tăng, ta nhiếp hộ chúng Tăng’, thì người ấy nên có lời di giáo cho chúng Tăng. Như Lai không nói: ‘Ta duy trì chúng Tăng. Ta nhiếp hộ chúng Tăng.’<sup>13</sup> Vậy tại sao Ta lại phải có lời di giáo cho

<sup>10</sup>. Việt-kỳ 越祇, có lẽ âm khác của Bạt-kỳ; D. 15 sđd.: năm đó Phật an cư ở Veluvā còn chúng Tỳ-kheo an cư ở Vesāli. Không nhắc đến vụ đói, nhưng có nhắc đến Thế Tôn bệnh.

<sup>11</sup>. Nguyên văn: tật như hữu tổn 疾如有損: bệnh như có thuyên giảm. TNM: như hữu thiếu giảm 如有少減: có vẻ hơi gầy (?). Tham chiếu D.15, sđd.: lúc này Thế Tôn đã khỏi bệnh.

<sup>12</sup>. Trường I, tr.583: “Thế Tôn chưa diệt độ, nếu Ngài chưa có lời di giáo lại cho chúng Tỳ-kheo”.

<sup>13</sup>. Tham chiếu Pāli, D.15 (Deva Digh ii tr.80): Tathāgatassa kho, Ananda, na evaṃ hoti: “Ahaṃ bhikkhusaṅghaṃ pariharissāmi ti vā mam uddesiko bhikkhusaṅgho” ti vā: Như Lai không nghĩ rằng: “Ta nhiếp hộ chúng Tỳ-kheo, hay chúng Tỳ-kheo được Ta giáo huấn”.

chúng Tăng? Này A-nan, những pháp Ta đã giảng thuyết, trong cũng như ngoài đều đã hoàn tất<sup>14</sup>. Ta không bao giờ tự xưng sở kiến thông đạt<sup>15</sup>. Ta nay đã già rồi, tuổi đã đến tám mươi rồi. Cũng như cỗ xe cũ kỹ, nhờ phương tiện tu sửa mà có thể đi đến nơi. Thân ta cũng vậy, nhờ sức phương tiện còn hơi duy trì được tuổi thọ, tự lực tinh tấn mà nhẫn chịu sự đau nhức này. Không suy niệm tất cả tướng, khi nhập vô tướng định<sup>16</sup>, thân an ổn, không có não loạn. Vì vậy, A-nan, hãy tự mình thấp sáng; thấp sáng nơi pháp, chớ thấp sáng nơi khác. Hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp, chớ nương tựa nơi khác<sup>17</sup>. Thế nào là ‘Hãy tự mình thấp sáng, thấp sáng nơi pháp, chớ thấp sáng nơi khác; hãy tự nương tựa mình, nương tựa pháp, chớ nương tựa nơi khác’? Này A-nan, Tỳ-kheo quán nội thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán ngoại thân; quán nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Này A-nan, đó gọi là ‘Hãy tự thấp sáng, thấp sáng nơi pháp, chớ thấp sáng nơi khác. Hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp, chớ nương tựa nơi khác....’

- <sup>14</sup>. Hán: nội ngoại dĩ ngộ 內外已迄. So sánh Pāli, D.15, sdd.: anantaram abāhiraṃ karitvā: không phân biệt trong và ngoài, tức nội truyền hay ngoại truyền, bí mật giáo hay hiển thị giáo.
- <sup>15</sup>. Hán: chung bất tự xưng sở kiến thông đạt 終不自稱所見通達. Có thể bản Hán dịch sai. Tham chiếu Pāli; D.15, sdd.: na tath’ Ānanda tathagatassa dhammesu ācariyamutṭhi: “Này A-nan, trong giáo pháp, Như Lai không bao giờ là vị thầy có bàn tay nắm chặt”. Nghĩa là, không bao giờ giấu giếm không chịu dạy hết. Hình như bản Hán đọc nhầm ācariyamutṭhi: vị thầy có bàn tay nắm chặt, với ācariyamuti: vị thầy có trí sáng suốt.
- <sup>16</sup>. Vô tướng định 無想定; (Pāli: asaññāsamapatti?). Nên hiểu chính xác là vô tướng định, hay vô tướng tâm định. Vô tướng định là một loại thiền ngoại đạo mà kinh Phật thường chỉ trích là có xu hướng hư vô chủ nghĩa. Tham chiếu Pāli, D.15, sdd.: (Trường I, tr.584): animittam cetosamādhim upasampajja, chứng đạt vô tướng tâm định.
- <sup>17</sup>. Hán: đương tự xỉ nhiên... 當自熾然. Tham chiếu, *Tạp A-hàm* quyển 2, kinh số 36 (Đại 2, tr. 8a): Trú ư tự châu. Trú ư tự y. Trú ư pháp châu; trú ư pháp y 住於自州住於自依住於法州住於法依. Tham chiếu Pāli sdd.: attadīpā viharatha atta-saraṇā anañña-saraṇā, dhammadīpā dhamma-saraṇā anañña-saraṇā: hãy sống tự mình là ngọn đèn (hoặc hòn đảo) của chính mình; tự mình là chỗ tựa của chính mình, không nương tựa nơi nào khác. Pháp là ngọn đèn, pháp là chỗ tựa, không chỗ tựa nào khác. Dīpa, vừa có nghĩa là ngọn đèn, vừa có nghĩa là hòn đảo.



Này A-nan, sau khi Ta diệt độ, nếu có ai có thể tu hành pháp này, người đó là đệ tử chân thật của Ta, là bậc nhất hữu học.”

Phật bảo A-nan, hãy cùng đi đến tháp Giá-bà-la<sup>18</sup>. A-nan vâng lời. Như Lai bèn đứng dậy, mang y cầm bát đến dưới một gốc cây, bảo A-nan:

“Hãy trải chỗ ngồi. Ta đau lưng, muốn nghỉ lại đây.”

A-nan đáp: “Vâng”.

Trải chỗ ngồi và sau khi Như Lai đã ngồi xuống, A-nan dọn một chỗ ngồi nhỏ ngồi trước Phật. Phật nói:

“Này A-nan, những ai tu Bốn thần túc, tu tập nhiều, thường ghi nhớ không quên, người ấy tùy theo ý muốn có thể kéo dài tuổi thọ hơn một kiếp. A-nan, Phật đã tu tập nhiều Bốn thần túc, chuyên niệm không quên, tùy theo ý muốn, Như Lai có thể sống hơn một kiếp, để trừ minh ám cho đời, đem lại nhiều lợi ích, trời và người đều được an ổn.”

Lúc bấy giờ A-nan im lặng không trả lời. Phật nói như vậy ba lần, A-nan cũng im lặng không trả lời. Khi ấy A-nan bị ma ám, mê muội không tỏ rõ. Phật đã ba lần hiện tướng, nhưng A-nan không biết mà thỉnh cầu. Phật bảo A-nan: “Hãy biết thời”. A-nan vâng ý chỉ của Phật, đứng dậy lễ Phật rồi lui. A-nan đi cách Phật không xa, ngồi dưới một gốc cây, tĩnh ý tư duy. Trong khoảng thời gian không lâu, ma Ba-tuần<sup>19</sup> đến bạch Phật:

“Ý Phật không muốn vào Niết-bàn sớm<sup>20</sup>. Nay chính là lúc, Phật nên mau chóng diệt độ.”

Phật bảo ma Ba-tuần:

“Hãy thôi! Hãy thôi! Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì còn đợi chúng Tỳ-kheo của Ta hội đủ<sup>21</sup>. Có người có thể tự điều

<sup>18</sup>. Giá-bà-la tháp 遮婆羅塔; Pāli: Cāpāla-cetiya, linh miếu, hay miếu thờ thần.

<sup>19</sup>. Ma Ba-tuần 魔波旬; Pāli: Māra pāpimant, Ác ma, hay Tử thần kẻ gây tội ác, xúi người khác làm ác.

<sup>20</sup>. Nguyên văn: Phật ý vô dục khả Bát-niết-bàn 佛意無欲可般涅槃. TNM không có từ Phật. Bản Hán, câu này nghĩa không rõ ràng. Tham chiếu Pāli, D.15, sđd.: (Trường II, tr.588): parinibbātudāni bhante bhagava parinibbātu sugato parinibbānakālodāni: “Thế Tôn, nay hãy nhập Niết-bàn. Thiện Thế, hãy nhập Niết-bàn; nay là thời gian Niết-bàn”.

<sup>21</sup>. Nguyên văn: tu ngã chư Tỳ-kheo tập 須我諸比丘集. Đoạn văn tối nghĩa. Hoặc do phát âm tương cận của samuccita: tích tập, chứa nhóm và samucita: đã quen,

phục<sup>22</sup>, dũng mãnh, không khiếp sợ, đã đến chỗ an ổn, đã đạt được mục đích của mình, là hướng đạo của loài người, thuyết giảng kinh giáo, hiển bày cú nghĩa, nếu có dị luận thì có thể hàng phục bằng Chánh pháp, lại có thể bằng thần biến mà tự mình tác chứng<sup>23</sup>. Các đệ tử như thế chưa hội đủ. Lại còn có các Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả cũng như thế, đều chưa tụ hội đủ. Nay điều cần thiết là triển khai phạm hạnh, phổ biến giác ý<sup>24</sup>, khiến cho chư Thiên và loài người thấy đều thấy được sự thần diệu<sup>25</sup>.”

Bấy giờ ma Ba-tuần lại bạch Phật:

“Thuở xưa, ở Uất-bê-la bên dòng sông Ni-liên-thuyền, dưới gốc cây A-du-ba ni-câu-luật<sup>26</sup>, Phật khi mới thành Chánh giác, tôi đã đến chỗ Như Lai mà khuyên mời Ngài hãy nhập Niết-bàn rằng: ‘Nay thật là đúng lúc, Ngài hãy nhanh chóng nhập Niết-bàn.’ Khi ấy Như Lai trả lời tôi rằng: ‘Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì còn đợi đệ tử Ta tụ hội đông đủ v.v..., cho đến, chư Thiên và loài người thấy được sự thần thông biến hóa, khi ấy Ta mới nhập Niết-bàn.’ Nay chính là lúc ấy, sao Ngài không nhập Niết-bàn?”

### **Phật nói:**

“Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Phật tự biết thời. Ta không trụ thế bao lâu nữa. Sau ba tháng nữa, tại bản sanh địa Câu-thi-na-kiệt<sup>27</sup>, vườn Sa-

---

thích hợp. Theo văn mạch đoạn này và đoạn dưới, có thể hiểu: khi nào chúng đệ tử chưa vững vàng trong Thánh đạo thì Phật chưa nhập Niết-bàn. Tham chiếu, No. 7 (Đại I tr.191b): do vị cụ túc 猶未具足, còn chưa đầy đủ.

- <sup>22</sup>. Hán: hựu năng tự điều 又能自調; TNM: hữu năng tự điều 有能自調. Đoạn văn này thiếu mạch lạc.
- <sup>23</sup>. Hán: hựu dĩ thần biến tự thân tác chứng 又以神變自身作証. Tham chiếu Pāli, D. 15, sđd.: tr. 83: (...) sappāṭihāriyam dhammam dēssanti, thuyết pháp bằng sự thần diệu (bằng sự thần biến).
- <sup>24</sup>. Giác ý, hay giác chi, bồ-đề phần (Pāli: bojjaṅga); Hán: quảng ư phạm hạnh, diễn bố giác ý 廣於梵行演布覺意, *nghĩa không rõ*.
- <sup>25</sup>. Tham chiếu Pāli, D.15, sđd.: tr. 83: “yāva me idam brahmacariyam na iddham ceva bhaviassati phītanca vitthārikam bāhujaññam puthubhūtam yāva devamanussehi suppakāsitan’ ti”, chừng nào phạm hạnh này chưa được thành tựu, phần thịnh, quảng bá... được khéo giảng dạy cho chư Thiên và loài người. Xem Trường I, tr.591.
- <sup>26</sup>. Uất-bê-la 鬱鞞羅, Uruvelā; Ni-liên-thuyền 尼連船: Nerañjara; A-du-ba ni-câu-luật 阿遊波尼拒律: Ajapāla-nigrodha.
- <sup>27</sup>. Bản sanh xứ 本生處; Pāli, sđd.: Upavattana-Mallānaṃ, tức Lục sĩ bản sanh xứ,

la, giữa đôi cây, Ta sẽ diệt độ.”

Lúc ấy, ma Ba-tuần nghĩ rằng Phật tất không nói dối, nhất định sẽ diệt độ, bèn vui mừng phấn khởi, hốt nhiên biến mất. Ma đi chưa bao lâu, Phật ở nơi tháp Giá-bà-la, bằng định ý tam-muội, xả thọ hành. Ngay lúc đó, đại địa chấn động. Nhân dân cả nước<sup>28</sup> thấy đều kinh sợ, lông tóc dựng ngược. Phật phóng ánh sáng rọi suốt vô cùng, nơi chỗ tối tăm cũng được soi sáng, thấy đều trông thấy nhau. Bấy giờ Thế Tôn nói kệ tụng rằng:

*Trong hai hành hữu vô,  
Ta nay xả hữu vi.<sup>29</sup>  
Nội chuyên Tam-muội định  
Như chim ra khỏi trứng.*

Lúc bấy giờ Hiền giả A-nan tâm kinh sợ, lông tóc dựng ngược, vội vàng đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

“Lạ thay, Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà đất rung động?”

Phật bảo A-nan:

“Ở đời, có tám nguyên nhân khiến đất rung động. Những gì là tám? Đất y trên nước. Nước y trên gió. Gió y trên hư không. Trong hư không có ngọn gió lớn có khi tự nổi lên, khi ấy khối lớn nước bị khuấy động. Khối nước lớn bị khuấy động thì khắp cả đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

“Lại nữa, này A-nan, có khi có Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni đắc đạo, hoặc Tôn thiên đại thần quán thể tánh nước nhiều, quán thể tánh đất ít, muốn tự thử năng lực của mình, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ hai.

“Lại nữa, này A-nan, khi Bồ-tát từ trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ ba.

“Lại nữa, A-nan, khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ, sanh từ hông phải,

---

sinh địa của chủng tộc Malla. Câu-thi-na-kiệt 拘尸那竭; Pāli: Kusinagara.

<sup>28</sup>. Đoạn sau có lặp lại, nhưng nói chư Thiên và loài người.

<sup>29</sup>. D. 15, sđd.: tulam atulāñca sambhavam bhavasāṅkhāram avissaji muni, “Đức Muni đã xả bỏ nhân tố của tồn tại, vốn là sự sinh khởi hữu hạn và vô hạn”. Liên hệ các từ hữu hành, vô hành, hữu vi trong bản Hán với các từ sambhava, bhavasāṅkhāra trong bản Pāli.

chuyên niệm không tán loạn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ tư.

“Lại nữa, A-nan, khi Bồ-tát vừa thành Vô thượng chánh giác, ngay lúc ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ năm.

“Lại nữa, A-nan, khi Phật vừa thành đạo chuyển Vô thượng pháp luân mà Ma hoặc Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn thấy đều không thể chuyển, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ sáu.

“Lại nữa, A-nan, khi sự giáo giới của Phật gần hoàn tất, chuyên tâm không tán loạn, Phật xả bỏ thọ hành, khi đó khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ bảy.

“Lại nữa, này A-nan, khi Như Lai ở nơi Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ tám.

“Do tám nguyên nhân ấy mà đất rung động.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

*Đấng Lương Túc Tối Tôn,  
Đại Sa-môn soi sáng đời,  
Được A-nan thưa hỏi:  
Nguyên nhân gì đất rung?  
Như Lai diễn từ âm,  
Tiếng như chim Ca-lăng:  
“Ta nói, hãy lắng nghe,  
Nguyên do đất rung động.  
Đất nhân y trên nước,  
Nước nhân y trên gió.  
Nếu gió thổi hư không,  
Đất vì thế rung mạnh.  
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni  
Muốn thử thần thông lực,  
Núi, biển, trăm cây cỏ,  
Cõi đất thấy rung động.  
Thích, Phạm, các Tôn thiên,  
Ý muốn đất rung động,  
Núi biển các Quỷ thần,  
Cõi đất thấy rung động.  
Bồ-tát, Lương Túc Tôn,  
Trăm phước tướng đã đủ,*

*Khi mới nhập thai mẹ,  
Khi ấy đất rung động.  
Mười tháng trong thai mẹ,  
Như rồng nằm thắm đệp;  
Từ hồng hữu xuất sanh,  
Khi ấy đất rung động.  
Phật khi còn trai trẻ  
Tiêu diệt dây kết sử,  
Thành đạo Thắng vô thượng;  
Khi ấy đất rung động.  
Thành Phật, chuyển Pháp luân,  
Ở trong vườn Lộc dã;  
Đạo lực hàng phục ma,  
Khi ấy đất rung động.  
Thiên ma nhiều phen thỉnh,  
Khuyên Phật nhập Niết-bàn;  
Khi Phật xả thọ mạng,  
Khi ấy đất rung động.  
Đại Đạo Sư, Chí Tôn,  
Thần Tiên, không tái sanh,  
Vào tịch diệt, bất động;  
Khi ấy đất rung động.  
Tịnh nhĩn, nói các duyên,  
Đất rung vì tám sự.  
Do đây và khác nữa,  
Khi ấy đất rung động”.*



